

CÔNG TY TNHH TM DV MỸ DU
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TM DV MỸ DU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 3703128249

3. Ngày thành lập: 22/05/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

10/10 Trần Ngọc Lân, Phường Định Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 090.411.9579

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
2.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
3.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
4.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
5.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
6.	Bán mô tô, xe máy	4541
7.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
9.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý; Môi giới (trừ môi giới bất động sản)	4610
10.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở)	4620
11.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ (không hoạt động tại trụ sở)	4631
12.	Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở)	4632
13.	Bán buôn đồ uống	4633
14.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
15.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Chi tiết: Bán buôn vải, hàng may mặc, quần áo thời trang, phụ kiện thời trang, giày dép	4641
16.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn văn phòng phẩm, Bán buôn giường, tủ, bàn ghế, quạt.	4649

17.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
18.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
19.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
20.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện). Bán buôn máy móc, thiết bị nước. Bán buôn máy móc, thiết bị công nghiệp. Bán buôn van nước, van công nghiệp, van hơi, máy nén khí, ống nén khí, linh kiện máy nén khí; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
21.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn)	4661
22.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn các sản phẩm làm từ hạt nhựa PE, hạt nhựa PP, hạt nhựa PA, hạt nhựa PVC, hạt nhựa PA66, Bán buôn mùn cưa, củi, viên nén mùn cưa, củi trấu; Bán buôn hàng trang trí nội thất. Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669(Chính)
23.	Khai thác gỗ (không hoạt động tại trụ sở)	0220
24.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ (không hoạt động tại trụ sở)	0231
25.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ (không hoạt động tại trụ sở)	0232
26.	Khai thác và thu gom than cứng (không hoạt động tại trụ sở)	0510
27.	Khai thác và thu gom than non (không hoạt động tại trụ sở)	0520
28.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức sự kiện, hội thảo, hội nghị (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).	8230
29.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (trừ kinh doanh vũ trường, phòng trà ca nhạc và không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	9000
30.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
31.	Lập trình máy vi tính Chi tiết: Sản xuất phần mềm	6201
32.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: tư vấn, môi giới bất động sản (trừ tư vấn pháp luật)	6820

33.	Quảng cáo	7310
34.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn về công nghệ; môi trường; hoạt động môi giới thương mại.	7490
35.	Cho thuê xe có động cơ	7710
36.	Bán buôn tổng hợp (trừ bán buôn hóa chất, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí)	4690
37.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
38.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; Trừ bán lẻ hóa chất, phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại tại trụ sở)	4719
39.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
40.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
41.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
42.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
43.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn)	4730
44.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (không hoạt động tại trụ sở)	0810
45.	Sản xuất sợi	1311
46.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
47.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
48.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
49.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
50.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
51.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
52.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
53.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
54.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
55.	Sản xuất giày, dép	1520
56.	Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quản gỗ	1610
57.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
58.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
59.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623

60.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
61.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
62.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
63.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
64.	In ấn	1811
65.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
66.	Sản xuất than cốc Chi tiết: Sản xuất than đá có chứa than non, than bùn (không hoạt động tại trụ sở)	1910
67.	Sản xuất hoá chất cơ bản (không hoạt động tại trụ sở)	2011
68.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ (không hoạt động tại trụ sở)	2012
69.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh (không hoạt động tại trụ sở)	2013
70.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp (không hoạt động tại trụ sở)	2021
71.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít (không hoạt động tại trụ sở)	2022
72.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh (không hoạt động tại trụ sở)	2023
73.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu (không hoạt động tại trụ sở)	2029
74.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
75.	Sản xuất sẫm, lớp cao su; đắp và tái chế lớp cao su (trừ sản xuất xếp cách nhiệt sử dụng ga R 141b, sử dụng polyyl trộn sẵn HCFC-141b)	2211
76.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su (trừ sản xuất xếp cách nhiệt sử dụng ga R 141b, sử dụng polyyl trộn sẵn HCFC-141b)	2219
77.	Sản xuất sản phẩm từ plastic (trừ sản xuất xếp cách nhiệt sử dụng ga R 141b, sử dụng polyyl trộn sẵn HCFC-141b)	2220
78.	Sản xuất sắt, thép, gang (trừ sản xuất vật liệu xây dựng tại trụ sở)	2410
79.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
80.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
81.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512

82.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
83.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
84.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
85.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
86.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
87.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
88.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
89.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
90.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
91.	Sản xuất đồng hồ	2652
92.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
93.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
94.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
95.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
96.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
97.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
98.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
99.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
100.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
101.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
102.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
103.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
104.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
105.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
106.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
107.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
108.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
109.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
110.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
111.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
112.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
113.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
114.	Sản xuất máy luyện kim	2823
115.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
116.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825

117.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
118.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
119.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
120.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
121.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
122.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
123.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
124.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	4933
125.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
126.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
127.	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
128.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ kinh doanh bến bãi ô tô, hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động vận tải liên quan đến hàng không).	5229
129.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
130.	Dịch vụ ăn uống khác (trừ quán bar, quán giải khát có khiêu vũ).	5629
131.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ quán bar, quán giải khát có khiêu vũ).	5630
132.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ)	5911
133.	Hoạt động hậu kỳ (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).	5912
134.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).	5913
135.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc Chi tiết: Hoạt động ghi âm (trừ kinh doanh karaoke).	5920
136.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
137.	Cung ứng lao động tạm thời Chi tiết: Cho thuê lại lao động	7820

138.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước	7830
139.	Đại lý du lịch	7911
140.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
141.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
142.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
143.	Đóng tàu và cấu kiện nổi	3011
144.	Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí	3012
145.	Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe	3020
146.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
147.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	3092
148.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
149.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
150.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
151.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
152.	Sản xuất nhạc cụ	3220
153.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
154.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
155.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
156.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu chi tiết: Sản xuất thiết bị điện, nước; Sản xuất hàng trang trí nội thất.	3290
157.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
158.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
159.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
160.	Sửa chữa thiết bị điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3314
161.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
162.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
163.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3320
164.	Sản xuất điện (không hoạt động tại trụ sở)	3511
165.	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Bán điện cho người sử dụng	3512
166.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
167.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530

168.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước (không hoạt động tại trụ sở)	3600
169.	Thoát nước và xử lý nước thải (không hoạt động tại trụ sở)	3700
170.	Thu gom rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở)	3811
171.	Thu gom rác thải độc hại (không hoạt động tại trụ sở)	3812
172.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở)	3821
173.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại (không hoạt động tại trụ sở)	3822
174.	Tái chế phế liệu (không hoạt động tại trụ sở)	3830
175.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác (không hoạt động tại trụ sở)	3900
176.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
177.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
178.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
179.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
180.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
181.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
182.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; Trừ bán lẻ hóa chất, phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại tại trụ sở)	4773
183.	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

6. Vốn điều lệ: 7.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN Giới tính: *Nữ*
Sinh ngày: 17/05/1985 Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 079185011314
Ngày cấp: 13/11/2019 Nơi cấp: *Cục Cảnh sát QLHC về TTXH*
Địa chỉ thường trú: *132/14 Liên Tỉnh 5, Phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*
Địa chỉ liên lạc: *132/14 Liên Tỉnh 5, Phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN Giới tính: *Nữ*
Chức danh: *Giám đốc*
Sinh ngày: 17/05/1985 Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 079185011314
Ngày cấp: 13/11/2019 Nơi cấp: *Cục Cảnh sát QLHC về TTXH*
Địa chỉ thường trú: *132/14 Liên Tỉnh 5, Phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*
Địa chỉ liên lạc: *132/14 Liên Tỉnh 5, Phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương